

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 về việc phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 06/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án khu xưởng chế biến thực vật San Anh tại xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống; Quyết định số 4742/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu xưởng chế biến thực vật San Anh tại xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống sang Nhà máy sản xuất may mặc, thú nhồi bông và giày da Vạn Thắng;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 706/TTr-SNNMT ngày 13/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Nông nghiệp San Anh (địa chỉ: Số nhà 626, Quốc lộ 45, thôn Đồng Tài, xã Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất may mặc, thú nhồi bông và giày da Vạn Thắng, thuộc thôn Đồng Tài, xã Nông Cống”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất may mặc, thú nhồi bông và giày da Vạn Thắng, thuộc thôn Đồng Tài, xã Nông Cống.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại thôn Đồng Tài, xã Nông Cống.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 28028809751 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/11/2019, thay đổi lần thứ 6 ngày 13/5/2025.

1.4. Mã số thuế: 2802809751.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Sản xuất giày da thuộc mã ngành VSIC: 1520.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích sử dụng: 18.000m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung Nghị định 08/2022/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất: 990.000 sản phẩm/năm, sử dụng khoảng 2.000 lao động.

- Công nghệ sản xuất:

+ Nguyên liệu sản xuất mặt giày (vải, PU tổng hợp) → Pha cắt → In xoa, ép cao tần → May mặt giày → KCS → Bán sản phẩm (mặt giày).

+ Bán sản phẩm (mặt giày) + Bán sản phẩm (đế giày) → Ráp đế và mặt giày bằng keo → Ép bằng máy → Vệ sinh, định hình sản phẩm → KCS → Sản phẩm giày hoàn thiện

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Bảo đảm các yêu cầu về nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

3. Nội dung xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh: Không thuộc.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Nông nghiệp San Anh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Nông nghiệp San Anh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (Kể từ ngày 25/5/2026 đến ngày 25/5/2036).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Nông Công và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung Giấy phép; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật (nếu có); chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về công tác quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Nông Công;
- Công ty TNHH MTV Nông nghiệp San Anh;
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG QUẢN LÝ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh tại dự án sau xử lý được tái sử dụng toàn bộ. Nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án không xả ra môi trường).

- Chủ đầu tư xin cam kết, trường hợp phát sinh nhu cầu xả ra môi trường sẽ thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải vệ sinh → Đường ống PVC D110 → 02 bể tự hoại 03 ngăn; Nước thải rửa tay chân → Song chắn rác. Toàn bộ nước thải sau bể tự hoại, song chắn rác → Đường ống PVC D200 → Hệ thống xử lý nước thải của dự án để xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột C) → Hệ thống siêu lọc UF → Bể chứa nước tái sử dụng → Một phần được bơm lên téc nước cấp tuần hoàn phục vụ mục đích dội nhà vệ sinh và hệ thống làm mát, còn phần còn lại được tận dụng làm nước tưới cây, rửa đường khi trời nắng hanh khô và nước PCCC hoặc diễn tập PCCC hàng năm không xả ra môi trường bên ngoài. Hồ chứa nước PCCC có dung tích chứa khoảng 1.000m³.

- Đối với nước thải sản xuất: Đối với nước thải công đoạn rửa khung in xoa: Toàn bộ nước thải → Đường ống PVC D90 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 7m³/ngày để xử lý → Hệ thống xử lý nước thải của dự án để xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột C) → Hệ thống siêu lọc UF → Bể chứa nước tái sử dụng → Một phần được bơm lên téc nước cấp tuần hoàn phục vụ mục đích dội nhà vệ sinh và hệ thống làm mát, còn phần còn lại được tận dụng làm nước tưới cây, rửa đường khi trời nắng hanh khô và nước PCCC hoặc diễn tập PCCC hàng năm không xả ra môi trường bên ngoài. Hồ chứa nước PCCC có dung tích chứa khoảng 1.000m³.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (từ công đoạn in xoa) → Bể gom nước thải → Bể lắng hóa lý → Cột lọc áp lực → Hệ thống XLNT tập trung.

- Xử lý bùn: Bể chứa bùn → Máy ép bùn → Thu gom theo quy định.

- Máy móc, thiết bị: Chủ yếu là các máy bơm chìm, bơm ly tâm chuyên dụng, máy khuấy trộn, máy thổi khí, hệ thống phân phối khí và bơm định lượng.

- Tóm tắt quy trình công nghệ của Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống siêu lọc UF → Bể tái sử dụng → Tái sử dụng cho dội nhà vệ sinh, tưới cây, rửa đường, làm mát và nước PCCC.

- Công suất thiết kế:

+ 01 hệ thống 7 m³/ngày.đêm.

+ 01 hệ thống 110 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer A (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu tái sử dụng và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định theo QCVN 40:2025/BTNMT).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được điều chỉnh, bổ sung tại khoản 13, Điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm để tái sử dụng.

3.2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện các thay đổi thủ tục theo quy định khi có nhu cầu xả thải ra môi trường bên ngoài./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀO MÔI TRƯỜNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực in xoa.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực pha keo, quét keo.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ khu vực cắt may (lưu lượng không xác định).
- Nguồn số 04: Mùi, khí thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung (lưu lượng không xác định).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 tương ứng với nguồn khí thải số 01, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 10m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2170874,05 (m); Y: 562919,58 (m).
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với nguồn số 02, được thu gom vào hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống thoát khí cao 10m thải ra môi trường. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2170800,05 (m); Y: 562920,58 (m).
- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với nguồn số 03. Xả trực tiếp ra môi trường.
- Dòng khí thải số 04: Tương ứng với nguồn số 04. Xả trực tiếp ra môi trường.

(theo tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 33.800 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 23.800 m³/giờ (theo thống số mô-tơ tạo lực hút).
- Dòng số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 10.000 m³/giờ (theo thống số mô-tơ tạo lực hút).
- Dòng khí thải số 03 và 04: Lưu lượng không xác định. Khí thải thoát ra tự nhiên không sử dụng hệ thống xử lý khí thải.

2.2.1. Phương thức xả thải: Xả liên tục khi Nhà máy hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	TVOC (bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluene, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	mg/Nm ³	≤100	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Nguồn số 01 và 02: Bụi, khí thải được thu gom, xử lý giống nhau. Bụi, khí thải phát sinh → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.
- Nguồn số 03 và 04: Khí thải thoát ra tự nhiên không sử dụng hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Nguồn số 01 và 02: Bụi, khí thải được thu gom, xử lý giống nhau. Bụi, khí thải phát sinh → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vật chất hấp phụ là than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải của nhà máy, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
- Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý khí thải đúng theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ ngày Dự án hoàn thành thi công xây dựng.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 23.800 m³/giờ.

- Hệ Thống xử lý dòng số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa là 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Thân ống thải của hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4. Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c, khoản 8, Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, cụ thể:

Việc quan trắc khí thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Xả khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất thải ô nhiễm tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đầy đủ sàn thao tác, lỗ thu mẫu để quan trắc, lấy mẫu môi trường định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Công ty TNHH MTV Nông nghiệp San Anh chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng tại Nhà trạm điện;
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy nén khí, máy bơm phục vụ hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung của Nhà máy;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ máy dập, máy cắt, máy may tại xưởng sản xuất.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ moto hệ thống xử lý khí thải in xoa.

2.2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày 06h00 đến trước 18h00	Tối 18h00 đến trước 22h00	Đêm 22h00 đến trước 06h00		
1	70	65	60	-	Khu vực E

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 22 giờ	Từ 22 giờ đến 6 giờ		
1	75	70	-	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Cartridge mực, mực in thải (hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại)	08 02 04	10
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	16 01 06	20
3	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	16 01 13	10
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	350
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại có chứa các thành phần nguy hại	18 01 02	180
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	15
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa các thành phần nguy hại	18 01 03	150
8	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	30
9	Chất thải gây nhiễm bao gồm cả chất thải sắc nhọn	13 01 01	5
10	Keo dán giày thải (có chứa dung môi hữu cơ)	08 03 01	350
11	Các loại pin thải	19 06 05	5
12	Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	60
13	Bùn, cát thải từ xử lý nước thải	12 02 02	10.500
Tổng khối lượng			11.685

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy thải, giấy vụn từ văn phòng, thùng carton	52.200
2	Bao bì nylon đựng nguyên liệu	
3	TPU, sản phẩm không đạt yêu cầu, mút vụn trong quá trình chặt	174.300
4	Bùn thải	160.000
	Tổng	386.500

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: 195,4 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 50 m²;

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng; chia thành các ngăn chứa riêng biệt đối với từng loại chất thải. Khu vực để chất thải nguy hại được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (dẫn nhãn cảnh báo tên của từng loại chất thải nguy hại; có lắp đặt hệ thống, thiết bị chữa cháy; lắp đặt thiết bị thông gió). Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh có khả năng tái sử dụng, tái chế:

+ Sản phẩm lỗi, hỏng trong quá trình: may, sản xuất phụ kiện, hoàn thiện sản phẩm.

+ Công đoạn cắt, lạng da, may chi tiết, may lắp ghép mũi giày: mảnh da, vải vụn.

+ Khâu may: Vải, chỉ...

+ Sản xuất phụ kiện: Vải, giấy, chỉ...

+ Hoàn thiện sản phẩm: Các loại bao bì, thùng giấy đựng các nguyên vật liệu nhập khẩu không dính các chất nguy hại.

- Loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý: Bùn thải từ bể tự hoại với tỷ trọng điển hình của cặn lắng đáy dạng bùn.

- Thiết bị lưu chứa:

+ Chất thải rắn sản xuất được phân loại ngay tại nguồn phát sinh. Công ty đã bố trí các thùng thu gom rác thải ngay tại vị trí sản xuất với số lượng cụ thể như sau:

+ Xưởng sản xuất: khoảng 30 thùng hoặc túi có thể tích 50 lít

+ Ngoài ra tại mỗi vị trí máy của công nhân được trang bị túi xanh thể tích 5 lít để chứa vải vụn, chỉ thừa và 1 chai/lọ nhựa để chứa kim gãy. Cán bộ vệ sinh môi trường ngày 2 lần sẽ đi đến từng điểm phát sinh chất thải để thu gom, đưa về kho chứa, tập kết chất thải của Nhà máy.

+ Các loại chất thải rắn công nghiệp sau khi thu gom riêng vào các thùng đặt tại vị trí sản xuất của các nhà xưởng sẽ được quản lý sau đó đưa về kho chứa CTR công nghiệp để lưu trữ

- Diện tích kho chứa: 238,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao kín, mái che, nền láng bê tông chống thấm. Bên trong có bố trí các khu vực chứa từng loại chất thải rắn thông thường, có hệ thống biển báo, mái che, cửa ra vào theo đúng quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị 10 thùng chứa loại 10 lít, 20 lít, 50 lít đặt tại các khu văn phòng, khu sản xuất, khu nhà ăn, ... và trang bị 10 thùng chứa loại 250 lít, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng

ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Chính phủ.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

1. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết để có kế hoạch thi công hợp lý nhằm đảm bảo tiến độ thi công cho dự án. Ví dụ như: trời mưa có thể thi công bên trong công trình như trát, lát gạch, ốp tường....

- Trong thi công móng công trình nếu gặp trời mưa sẽ gây ngập úng, cản trở quá trình thi công. Do đó, đơn vị thi công sẽ trang bị 02 máy bơm nước có công suất 1,5m³/h để bơm nước hồ móng công trình.

- Ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước mưa trước theo đúng thiết kế của dự án để sử dụng cho giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành dự án.

- Khu vực công trường thi công được quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác để tránh bị nước mưa cuốn trôi theo vào nguồn nước.

- Thực hiện nạo vét thường xuyên các mương rãnh thoát nước, đặt các vách chắn bùn trên tuyến thoát nước.

2. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân với lưu lượng 0,792 m³/ngày: được thu gom và dẫn về hồ lắng có thể tích 5 m³ (kích thước 2,0m×2,5m×1,0 m) chia làm 2 ngăn, thời gian lắng 2h, được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng tái tuần hoàn việc rửa xe, thiết bị thi công và chống bụi khu vực công trường.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng là 0,528m³/ngày được thu gom bằng 03 nhà vệ sinh di động, kích thước phủ bì: (Cx R×S) cm = (260×90×135)cm; Kích thước lọt lòng mỗi buồng: (Cx R×S) cm = (200×85×100) cm; Dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 1.200 lít. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 03 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

3. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải xây dựng

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là 7,74 m³/ngày, được thu gom về hồ lắng dung tích 5m³ (kích thước 2,0m×2,5m×1,0 m) chia làm 2 ngăn, thời gian lắng 2h, được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm) để xử lý cùng với nước thải từ hoạt động rửa chân tay của công nhân. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng tái tuần hoàn việc rửa xe, thiết bị thi công và chống bụi khu vực công trường.

4. Các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

- Phun ẩm tường các công trình phá dỡ và thực hiện tưới ẩm chống bụi trong suốt quá trình phá dỡ. Thực hiện phá dỡ, bốc xúc vận chuyển đồ thải chất thải từ phá dỡ nhanh gọn, cuốn chiếu theo từng công trình phá dỡ để giảm bụi bốc bay và hạn chế phạm vi tác động.

- Phun nước làm ẩm trên tuyến đường ra vào khu vực dự án, nguồn nước tưới giảm thiểu bụi đường được lấy từ nguồn nước sạch khu vực.

- Bố trí trạm rửa xe để phun nước giảm bụi, tránh bụi đất đá cuốn theo bánh xe làm ảnh hưởng đến tuyến đường bê tông dẫn vào dự án.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Lắp đặt lưới chắn bụi xung quanh các công trình trong quá trình xây dựng; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, gang tay, kính...theo quy định).

5. Biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

5.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

CTRSH của công nhân làm việc trên công trường và lưu trú tại lán trại: bố trí 5 thùng chứa rác chuyên dụng, dung tích 100 lít, có nắp đậy (tại khu vực lán trại bố trí 02 thùng chứa rác); 03 thùng chứa di động tại các khu vực thi công. Cuối ngày bố trí nhân viên dọn vệ sinh đưa rác ra khu vực tập kết rác thải sinh hoạt của dự án để đơn vị thu gom rác đến thu gom đưa đi xử lý.

5.2. Đối với chất thải trong quá trình thi công xây dựng:

- Thực vật phát quang khoảng 2,5 tấn thuê đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- Đất bùn hữu cơ (tầng đất mặt): 800,32 m³. Được tận dụng trồng cây xanh trên diện tích cây xanh của dự án (với tổng diện tích là 3.424,6m²), và được tập kết

về khu vực trồng cây xanh giai đoạn 2 với diện tích khu đất là 560,6m².

- Đất đào hồ móng công trình dư thừa sau khi tận dụng đắp chân công trình tại chỗ: 1.371,98m³ được tận dụng để san nền tại chỗ trong khuôn viên dự án.

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá... 505,83 tấn. Khối lượng CTR này sẽ được công nhân thi công sử dụng để làm lớp lót sân đường nội bộ và dùng để san nền phía bên trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng chiếm 0,5% vật liệu dự án 23,09 tấn. được thu gom lại và bán đơn vị thu mua phế liệu, phần thừa còn lại là các thành phần như ván gỗ chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị môi trường có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo quy định.

6. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 50 lít có nắp đậy kín, được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

7. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan môi trường sau:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo

vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/03/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa Ban hành quy định chi tiết quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; QCVN 26:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.